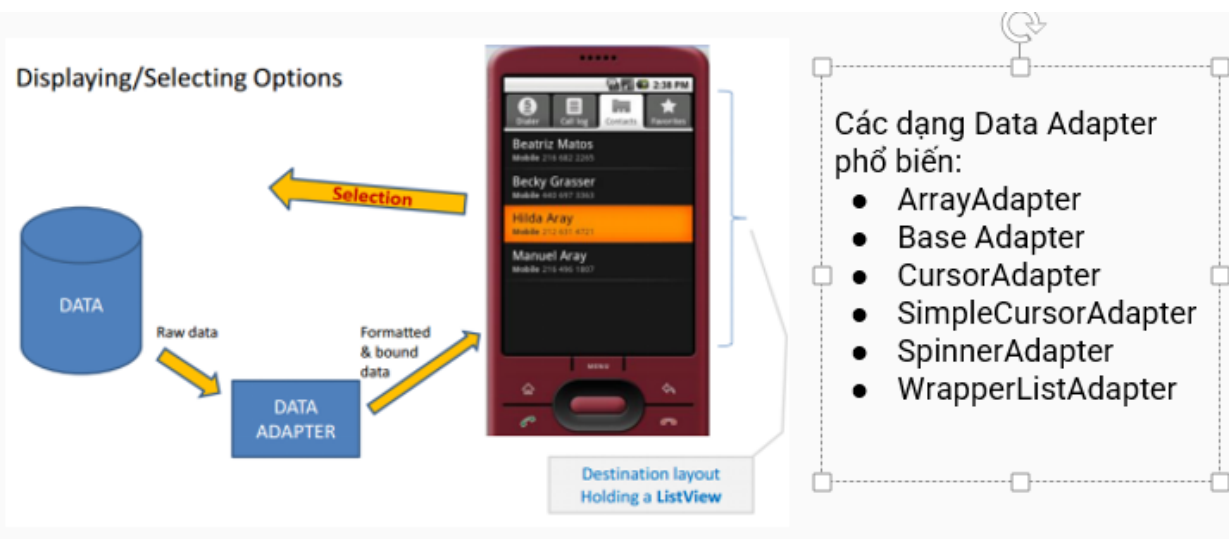


04

Android View&Widget

1. ListView

- Các Radio Button và Check Button dùng để chọn lựa trong nhóm nhỏ các tùy chọn.
- Khi có nhiều tùy chọn hơn, thì các view/widget như Listbox, ComboBox, DropDown List, Picture Gallery thường được sử dụng.
- Các view/widget này hiển thị danh sách các lựa chọn và có thể được điều khiển bởi một Adapter gọi là Selection View/Widget.
- Các loại Selection View/Widget chính bao gồm List View, Grid View và Spinner.



vd:

```
<LinearLayout xmlns:android="
http://schemas.android.com/apk/res/android"
xmlns:tools="http://schemas.android.com/tools"
android:layout_width="match_parent"
```

```

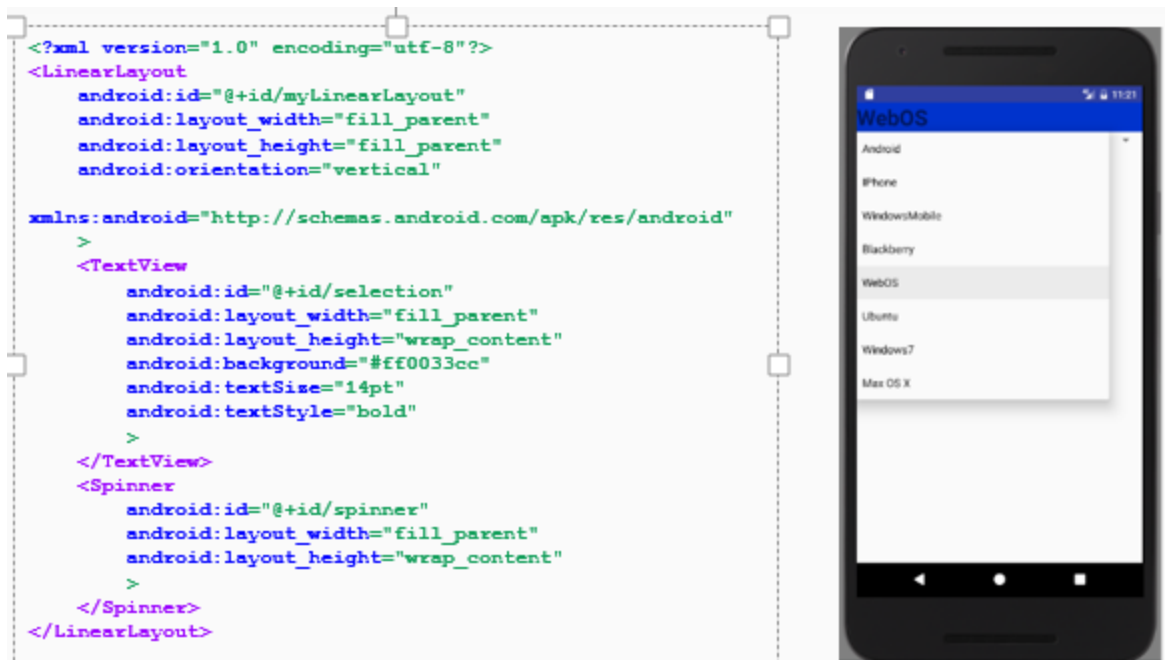
android:layout_height="match_parent"
android:orientation="vertical"
tools:context=".ListActivity" >
<ListView
    android:id="@+id/mobile_list"
    android:layout_width="match_parent"
    android:layout_height="wrap_content" >
</ListView>
</LinearLayout>

```

2. Spinner

- Spinner tương đương với DropDown.
- Tương tự như ListView, ta có thể cung cấp một Adapter để kết nối dữ liệu danh sách lựa chọn bằng cách sử dụng setAdapter().

vd:



3. GridView

- GridView trong Android là một ViewGroup cho phép hiển thị thông tin theo 2 chiều dưới dạng lưới có thể cuộn được

- Các mục trong danh sách lưới có thể tự động chèn vào bằng cách sử dụng ListAdapter.

các thuộc tính:

Thuộc tính	Mô tả
android:id	Đây là ID định danh duy nhất của Layout.
android:columnWidth	Xác định độ rộng cố định cho mỗi cột. Có thể là px, dp, sp, in, hoặc mm.
android:gravity	Xác định vị trí bên trong mỗi ô. Giá trị có thể là top, bottom, left, right, center, center_vertical, center_horizontal...
android:horizontalSpacing	Xác định khoảng cách mặc định theo chiều ngang giữa các cột. Có thể là px, dp, sp, in, hoặc mm.
android:numColumns	Xác định số lượng cột sẽ hiển thị. Có thể là một giá trị nguyên, ví dụ: "4", hoặc auto_fit nghĩa là sẽ hiển thị số cột tối đa có thể điền vào không gian có sẵn.
android:stretchMode	Xác định cách các cột nên mở rộng để điền vào không gian còn trống. Có thể là: none (vô hiệu hóa mở rộng), spacingWidth (khoảng cách giữa các cột được mở rộng), columnWidth (mỗi cột được mở rộng cùng một lượng), spacingWidthUniform (khoảng cách giữa các cột được mở rộng đồng đều).
android:verticalSpacing	Định nghĩa khoảng cách mặc định theo chiều dọc giữa các hàng. Có thể là px, dp, sp, in, hoặc mm.

4. AutoCompleteTextView

- AutoCompleteTextView giúp người dùng nhận được gợi ý khi họ đang nhập vào một trường EditText.
- Những gợi ý này sẽ xuất hiện trong một menu thả xuống, từ đó người dùng có thể chọn một mục để thay thế nội dung đang nhập của mình.

